

BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ Ở VIỆT NAM: TỪ MÔ TẢ PHÁP LÝ ĐẾN QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

ĐẶNG THÚY QUỲNH
Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Nhận bài ngày 28/4/2026. Sửa chữa xong 08/6/2026. Duyệt đăng 25/6/2026.

Abstract

This article examines the protection of human rights in Viet Nam's digital environment through a shift from legal description to risk governance and accountability. Based on the 2013 Constitution, the 2025 Law on Personal Data Protection, and international materials on digital platform governance, it argues that the current challenge lies not only in the formal recognition of rights but mainly in implementation, risk control, and accountability. The study shows that personal data, digital platforms, and artificial intelligence increase the risks to privacy, the right to be informed, and the right to control personal information. It therefore proposes legal improvement, stronger independent monitoring, enhanced implementation capacity, more transparent accountability mechanisms, and a stronger culture of respect for data to better protect human rights in Viet Nam's digital environment.

Keywords: Human rights, digital environment, risk governance, accountability, personal data, implementation monitoring, Viet Nam.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang làm thay đổi sâu sắc cách con người giao tiếp, học tập, làm việc và tiếp cận dịch vụ công, đồng thời tạo ra những không gian mới cho việc thụ hưởng cũng như xâm hại quyền con người. Nếu trước đây quyền con người chủ yếu được bảo vệ trong không gian vật lý và bằng các cơ chế pháp lý truyền thống thì trong môi trường số, dữ liệu cá nhân, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các hệ thống tự động hóa đã trở thành những yếu tố trung tâm của đời sống xã hội, nơi quyền riêng tư, quyền kiểm soát dữ liệu và quyền được giải trình nổi lên như những vấn đề cốt lõi (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 8-12).

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời xác định quyền chỉ có thể bị hạn chế theo luật trong những trường hợp cần thiết (Quốc hội, 2023, tr. 14-16). Trên nền tảng hiến định đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã tạo ra khuôn khổ pháp lý mới để cụ thể hóa quyền riêng tư và kiểm soát dữ liệu cá nhân. Luật này quy định các quyền của chủ thể dữ liệu như quyền được biết, quyền đồng ý hoặc không đồng ý, quyền rút lại sự đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa, xóa, hạn chế xử lý, phản đối xử lý, khiếu nại, khởi kiện và yêu cầu bồi thường (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 2-4). Tuy nhiên, thực tiễn quản trị số cho thấy quy định pháp luật chỉ là điều kiện cần, chưa phải điều kiện đủ để bảo vệ quyền con người một cách thực chất. Dữ liệu cá nhân hiện được thu thập và xử lý qua mạng xã hội, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và hệ thống AI; trong khi đó, nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, lạm dụng dữ liệu, theo dõi hành vi, suy luận hồ sơ cá nhân hoặc xử lý tự động thiếu minh bạch ngày càng tăng. Vì vậy, bảo vệ quyền con người trong môi trường số không thể tiếp tục dừng ở mô tả pháp lý mà phải chuyển sang tư duy quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình (UNESCO, 2026, tr. 14-18; OHCHR, 2024, tr. 5-7). Sự chuyển dịch này cũng phản ánh một thay đổi căn bản trong cách tiếp cận đối với quyền con người. Nếu trước đây câu hỏi chủ yếu là pháp luật đã ghi nhận quyền đến đâu thì nay phải tiếp tục đặt ra các câu hỏi khác như quyền đó được thực thi bằng cơ chế nào, chủ thể nào chịu trách nhiệm khi xảy ra xâm hại và người dân có khả năng tự bảo vệ hay yêu cầu

Email: dangthuyquynh.hlu@gmail.com

khắc phục hay không. Trong bối cảnh môi trường số vận hành với tốc độ nhanh và dựa nhiều vào thuật toán, khoảng cách giữa ghi nhận pháp lý với bảo đảm thực tế có thể trở nên lớn hơn nhiều so với các lĩnh vực truyền thống (OHCHR, 2024, tr. 7-9; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận và pháp lý của việc bảo vệ quyền con người trong môi trường số; đánh giá thực trạng thực thi và giám sát thực thi ở Việt Nam; chỉ ra những vấn đề nổi bật đang đặt ra; đồng thời đề xuất một số định hướng hoàn thiện nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra ngày càng sâu rộng. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ rằng quyền con người trong kỷ nguyên số chỉ thực sự được bảo vệ khi được đặt trong một mô hình quản trị có khả năng dự báo rủi ro, ngăn ngừa vi phạm và yêu cầu giải trình rõ ràng (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 14-24).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và pháp lý của bảo vệ quyền trong môi trường số

Quyền con người là những quyền vốn có, gắn với phẩm giá, tự do và khả năng tự quyết của cá nhân. Trong môi trường số, nội hàm của quyền con người không thay đổi về bản chất nhưng cách thức thực thi và nguy cơ bị xâm hại đã thay đổi rất lớn. Dữ liệu cá nhân trở thành dấu vết số của con người, nên mọi hoạt động xử lý dữ liệu đều có khả năng tác động trực tiếp đến quyền riêng tư, quyền được biết, quyền được kiểm soát thông tin và quyền yêu cầu khắc phục vi phạm (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; Quốc hội, 2025, tr. 12-15).

Về mặt lý luận, bảo vệ quyền con người trong môi trường số cần dựa trên ba trụ cột: tôn trọng con người, quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình. Tôn trọng con người đòi hỏi các quyết định công nghệ phải đặt con người ở vị trí trung tâm, không biến cá nhân thành đối tượng bị theo dõi hay thao túng. Quản trị rủi ro yêu cầu việc thu thập và xử lý dữ liệu chỉ được tiến hành trong phạm vi cần thiết, có mục đích rõ ràng và tương xứng với lợi ích cần đạt được. Trách nhiệm giải trình đòi hỏi cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và nền tảng số phải chứng minh được tính hợp pháp, minh bạch và an toàn của hoạt động xử lý dữ liệu (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Ba trụ cột này gắn bó chặt chẽ với nhau và không thể thay thế cho nhau. Một hệ thống có thể tuyên bố tôn trọng con người nhưng nếu không đánh giá rủi ro thì vẫn có thể tạo ra các tác động bất lợi đối với quyền riêng tư hoặc quyền bình đẳng. Ngược lại, một cơ chế kiểm soát rủi ro dù được thiết kế chặt chẽ nhưng nếu thiếu trách nhiệm giải trình thì cá nhân vẫn khó tiếp cận thông tin, khó phản ánh vi phạm và khó yêu cầu bồi thường khi quyền bị xâm hại. Vì vậy, mô hình bảo vệ quyền trong môi trường số phải là mô hình kết hợp đồng thời giữa chuẩn mực pháp lý, quản trị nội bộ và giám sát xã hội (UNESCO, 2026, tr. 20-24; OHCHR, 2024, tr. 6-8). Trong môi trường số, yêu cầu tôn trọng con người còn hàm ý rằng các thiết kế công nghệ phải tính đến sự đa dạng của người sử dụng. Những nhóm yếu thế, nhóm có kỹ năng số thấp, người cao tuổi, trẻ em hoặc những người phụ thuộc nhiều vào dịch vụ công trực tuyến thường chịu rủi ro cao hơn khi dữ liệu bị lạm dụng hoặc khi quyết định tự động được áp dụng mà không có cơ chế giải thích phù hợp. Từ đó, nguyên tắc lấy con người làm trung tâm không chỉ là khẩu hiệu chính sách mà phải được chuyển hóa thành yêu cầu cụ thể trong thiết kế giao diện, ngôn ngữ thông báo, quy trình đồng ý và cơ chế khiếu nại (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Về cơ sở pháp lý ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 là nền tảng hiến định quan trọng khi khẳng định quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Bước tiến nổi bật là Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, có hiệu lực từ năm 2026, ghi nhận đầy đủ hơn quyền của chủ thể dữ liệu và đặt ra các nghĩa vụ tương ứng đối với bên kiểm soát và xử lý dữ liệu. Bên cạnh đó, các nguyên tắc của UNESCO về quản trị nền tảng số và các tài liệu hướng dẫn của OHCHR nhấn mạnh yêu cầu đánh giá tác động, minh bạch, tiếp cận thông tin và cơ chế khiếu nại hiệu quả như những thành tố không thể thiếu của quản trị số dựa trên quyền con người (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 8-10; OHCHR, 2024, tr. 6-8).

Từ góc độ pháp lý, có thể thấy pháp luật Việt Nam đang dần chuyển từ cách tiếp cận quy định rai rác sang định hình một khung bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư thống nhất hơn. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì hoạt động xử lý dữ liệu hiện nay không còn diễn ra trong một lĩnh vực riêng lẻ mà xuyên suốt từ thương mại điện tử, tài chính số, giáo dục, y tế đến quản trị hành chính công. Khi dữ liệu di chuyển qua nhiều hệ thống và nhiều chủ thể cùng tham gia xử lý, việc xác định nghĩa vụ của từng bên trở thành điều kiện thiết

yếu để bảo vệ quyền con người có hiệu quả (LuậtVietnam, 2026, tr. 2-6; Quốc hội, 2025, tr. 18-24). Ngoài ra, việc tiếp cận cơ sở pháp lý của quyền con người trong môi trường số cũng cần đặt trong tương quan giữa pháp luật quốc gia và chuẩn mực quốc tế. Việt Nam không thể tách rời các xu hướng quản trị số toàn cầu, nhất là trong bối cảnh các nền tảng xuyên biên giới, dịch vụ điện toán đám mây và các công nghệ trí tuệ nhân tạo ngày càng có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội. Việc tham chiếu các khuyến nghị của UNESCO và OHCHR vì thế không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn góp phần định hướng cho quá trình hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi trong nước (UNESCO, 2025, tr. 6-7; OHCHR, 2024, tr. 5-9).

2.2. Thực trạng thực thi và giám sát thực thi

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong hoàn thiện pháp luật về quyền con người, đặc biệt là trong lĩnh vực dữ liệu cá nhân và quản trị số. Sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 cho thấy Việt Nam đang chuyển từ cách tiếp cận quản lý dữ liệu phân tán sang một khuôn khổ pháp lý thống nhất hơn, trong đó quyền của chủ thể dữ liệu được xác lập rõ hơn. Điều này tạo cơ sở để người dân có thể yêu cầu được thông báo, truy cập, chỉnh sửa, xóa, phản đối xử lý và yêu cầu bảo vệ dữ liệu của mình (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 2-4). Cùng với đó, quá trình chuyển đổi số quốc gia đã mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ của người dân. Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, hồ sơ điện tử, nền tảng giáo dục và các tiện ích y tế số nếu được vận hành đúng cách có thể giúp giảm chi phí tiếp cận, tăng tính thuận tiện và cải thiện khả năng tham gia của người dân vào đời sống kinh tế - xã hội. Ở góc độ này, môi trường số không chỉ tạo ra rủi ro mà còn mở ra cơ hội mới cho việc mở rộng không gian thực thi quyền con người trong thực tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 8-12). Tuy vậy, thực tiễn cho thấy việc có luật chưa đồng nghĩa với việc quyền được bảo đảm đầy đủ trên thực tế. Trước hết, nhận thức của nhiều chủ thể về quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân vẫn chưa đồng đều, đặc biệt trong các cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng số có quy mô xử lý dữ liệu lớn. Không ít trường hợp người dùng chấp nhận điều khoản sử dụng mà không hiểu đầy đủ dữ liệu của mình đang được thu thập và khai thác ra sao. Điều này làm gia tăng khoảng cách giữa quyền được ghi nhận và quyền được thực thi (Lê Anh, 2022; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6). Khoảng cách đó còn thể hiện ở chỗ nhiều cá nhân chưa có thói quen sử dụng các quyền của mình một cách chủ động. Dù pháp luật cho phép yêu cầu truy cập, chỉnh sửa hoặc phản đối xử lý dữ liệu nhưng trên thực tế, không phải lúc nào người dùng cũng biết cách thực hiện hoặc biết cần liên hệ với chủ thể nào. Khi quyền đã được thiết lập nhưng thiếu khả năng tiếp cận trong đời sống hằng ngày, hiệu lực bảo vệ quyền sẽ bị suy giảm đáng kể. Đây là một vấn đề không chỉ thuộc về nhận thức pháp lý mà còn liên quan trực tiếp đến thiết kế thủ tục và mức độ thân thiện của cơ chế thực thi (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2025a, tr. 3-5). Một vấn đề khác là cơ chế giám sát và xử lý vi phạm còn chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Các nền tảng số và hệ thống AI có thể xử lý khối lượng dữ liệu rất lớn trong thời gian ngắn nhưng cơ chế phát hiện vi phạm, thanh tra, kiểm tra và khắc phục ở nhiều nơi vẫn còn chậm. Khi xảy ra vi phạm, việc xác định trách nhiệm của bên kiểm soát dữ liệu, bên xử lý dữ liệu, bên cung cấp hạ tầng hoặc bên thứ ba thường phức tạp và mất thời gian (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2025, tr. 6-7).

Trong nhiều tình huống, vi phạm không diễn ra dưới hình thức lộ lọt dữ liệu dễ nhận biết mà xuất hiện qua các quyết định thuật toán, cơ chế xếp hạng, gợi ý nội dung, hồ sơ hóa người dùng hoặc suy luận hành vi. Những tác động này có thể âm thầm nhưng kéo dài, ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận thông tin, tiếp cận dịch vụ hoặc tiếp cận các quyền lợi xã hội. Khi đó, việc chứng minh quyền bị xâm hại trở nên phức tạp hơn nhiều so với mô hình vi phạm truyền thống. Điều này cho thấy giám sát thực thi trong môi trường số cần kết hợp giữa kiểm soát pháp lý, kiểm toán kỹ thuật và năng lực phân tích tác động xã hội của công nghệ (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Ngoài ra, trách nhiệm giải trình của các chủ thể xử lý dữ liệu vẫn là khâu còn nhiều khoảng trống. UNESCO nhấn mạnh rằng nền tảng số cần có cơ chế thẩm định quyền con người, minh bạch và báo cáo trách nhiệm rõ ràng nhưng trên thực tế, nhiều hệ thống ở Việt Nam vẫn chưa phát triển đầy đủ các công cụ đánh giá tác động hoặc cơ chế khiếu nại thân thiện với người dùng. Vì vậy, việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân không chỉ phụ thuộc vào luật mà còn phụ thuộc vào thiết kế thể chế, năng lực thực thi và sự chủ động của

các chủ thể liên quan (UNESCO, 2026, tr. 20-24; OHCHR, 2024, tr. 7-9). Một thực tế đáng lưu ý khác là năng lực thực thi giữa các cơ quan, tổ chức và địa phương chưa đồng đều. Trong khi một số đơn vị có điều kiện đầu tư hạ tầng số, nhân lực chuyên trách và quy trình xử lý dữ liệu tương đối rõ thì nhiều đơn vị khác còn lúng túng trong việc phân định trách nhiệm, lưu trữ hồ sơ hoặc xây dựng cơ chế phản hồi cho người dân. Sự không đồng đều này có thể làm phát sinh chênh lệch về mức độ bảo vệ quyền trong những không gian số khác nhau, từ đó đặt ra yêu cầu phải chuẩn hóa quy trình và tăng cường hướng dẫn thực thi ở phạm vi toàn hệ thống (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

2.3. Vấn đề đặt ra trong bảo vệ quyền con người trong môi trường số

2.3.1. Thu hẹp khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực thi

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã xác lập nhiều quyền cho chủ thể dữ liệu nhưng để quyền đó trở thành quyền năng thực chất, cần có quy trình nội bộ, biểu mẫu, đầu mối xử lý và cơ chế phản hồi rõ ràng từ phía cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng số. Nếu thiếu các điều kiện này, quyền trên giấy sẽ khó đi vào cuộc sống (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6). Khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn cũng phản ánh một vấn đề rộng hơn là khả năng chuyển hóa quy phạm thành hành động quản trị hằng ngày. Trong môi trường số, người dân không thể tự bảo vệ quyền của mình chỉ bằng việc biết rằng quyền đó đã được pháp luật ghi nhận. Họ cần các thủ tục dễ tiếp cận, thông báo dễ hiểu, đầu mối rõ ràng và thời hạn xử lý minh bạch. Chính ở tầng vận hành này, hiệu quả của bảo vệ quyền con người mới được kiểm chứng một cách thực chất (OHCHR, 2024, tr. 6-8; Quốc hội, 2025, tr. 18-24).

2.3.2. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về quản trị dữ liệu

Quyền riêng tư trong môi trường số là vấn đề mới, đòi hỏi hiểu biết không chỉ về pháp luật mà còn về rủi ro thuật toán, an ninh mạng, thiết kế nền tảng và quản trị dữ liệu. Khi năng lực nhận thức còn hạn chế, khả năng tự bảo vệ của người dân và khả năng thực thi của tổ chức cũng bị ảnh hưởng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Việc nâng cao năng lực không nên chỉ hiểu là tổ chức các lớp tập huấn chung chung mà cần gắn với từng nhóm chủ thể cụ thể. Cơ quan nhà nước cần được bồi dưỡng về trách nhiệm xử lý dữ liệu và nghĩa vụ giải trình; doanh nghiệp cần được hướng dẫn về đánh giá tác động và quản trị rủi ro; còn người dân cần được trang bị kỹ năng nhận biết rủi ro, đọc hiểu điều khoản sử dụng và sử dụng quyền của mình khi cần thiết. Chỉ khi cả ba nhóm chủ thể cùng được nâng cao năng lực, cơ chế bảo vệ quyền mới có thể vận hành đồng bộ (UNESCO, 2026, tr. 14-18; OHCHR, 2025a, tr. 3-5).

2.3.3. Hoàn thiện cơ chế giám sát độc lập, minh bạch và có khả năng phản ứng nhanh

Giám sát thực thi quyền không thể chỉ là kiểm tra hành chính thông thường mà phải bao gồm đánh giá tác động trước khi triển khai công nghệ, giám sát thường xuyên trong quá trình vận hành và cơ chế tiếp nhận khiếu nại, giải quyết tranh chấp, khắc phục vi phạm kịp thời. Đây là điều kiện quan trọng để quyền riêng tư không bị triệt tiêu bởi tốc độ vận hành của công nghệ (OHCHR, 2024, tr. 6-8; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Trong bối cảnh các hệ thống AI và nền tảng số có thể tạo ra tác động lớn trên diện rộng, giám sát còn phải hướng tới việc phát hiện sớm nguy cơ chứ không chỉ xử lý hậu quả sau vi phạm. Điều đó đòi hỏi có cơ chế lưu vết, kiểm tra định kỳ, đánh giá độc lập và khả năng tạm dừng hoặc điều chỉnh các hệ thống có rủi ro cao đối với quyền con người. Mô hình giám sát hiệu quả vì thế phải kết hợp giữa chức năng quản lý nhà nước, kiểm soát nội bộ của tổ chức và sự tham gia phản biện từ phía xã hội (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

2.3.4. Tăng cường trách nhiệm giải trình của các chủ thể xử lý dữ liệu

Người dân phải biết dữ liệu của mình được dùng vào mục đích gì, ai đang xử lý, ai được chia sẻ và khi có sai phạm thì ai chịu trách nhiệm. Minh bạch hóa thông tin, đơn giản hóa cơ chế yêu cầu và tăng chế tài xử lý vi phạm là các biện pháp cần thiết để tạo niềm tin cho xã hội số (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2025, tr. 6-7). Trách nhiệm giải trình cần được hiểu không chỉ là nghĩa vụ báo cáo sau khi có sự cố mà còn là năng lực giải thích và chứng minh tính hợp pháp của toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Một chủ thể xử lý dữ liệu chỉ thực sự có trách nhiệm khi có thể chỉ ra cơ sở pháp lý của việc thu thập, mục đích

sử dụng, giới hạn chia sẻ, biện pháp an toàn và cơ chế xử lý khi cá nhân phản đối hoặc khiếu nại. Yêu cầu này đặc biệt quan trọng đối với các hệ thống có yếu tố tự động hóa cao, nơi các quyết định có thể ảnh hưởng đáng kể đến quyền và lợi ích của con người (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Bên cạnh đó cần thúc đẩy văn hóa tôn trọng dữ liệu và quyền riêng tư trong toàn xã hội. Pháp luật có thể tạo ra khuôn khổ và chế tài nhưng việc bảo vệ quyền con người trong môi trường số về lâu dài còn phụ thuộc vào thói quen ứng xử của cơ quan, doanh nghiệp và người dùng. Khi dữ liệu cá nhân được nhìn nhận như một thành tố gắn với phẩm giá và tự do của con người, thay vì chỉ là tài nguyên kỹ thuật, nền tảng xã hội cho bảo vệ quyền mới thực sự được củng cố (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

3. Kết luận

Bảo vệ quyền con người trong môi trường số ở Việt Nam không còn là vấn đề của việc ghi nhận quyền trong Hiến pháp và pháp luật mà ngày càng là vấn đề của tổ chức thực thi, quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình của các chủ thể liên quan. Trong bối cảnh dữ liệu cá nhân, nền tảng số và AI phát triển mạnh, quyền riêng tư và quyền kiểm soát dữ liệu đã trở thành những thành tố trung tâm của quyền con người trong kỷ nguyên số. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã tạo ra bước tiến quan trọng khi cụ thể hóa các quyền của chủ thể dữ liệu và nghĩa vụ của bên kiểm soát, xử lý dữ liệu, qua đó đặt nền tảng pháp lý cho một mô hình quản trị số dựa trên quyền con người (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2024, tr. 5-7). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và việc thực thi vẫn còn đáng kể, nhất là ở các khâu minh bạch hóa xử lý dữ liệu, đánh giá tác động, giám sát độc lập và cơ chế khắc phục vi phạm. Nếu không có cơ chế kiểm soát hiệu quả, các hoạt động số có thể làm gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, theo dõi hành vi, lạm dụng dữ liệu hoặc đưa ra các quyết định tự động thiếu công bằng đối với cá nhân và nhóm yếu thế. Do đó, thách thức lớn nhất hiện nay không nằm ở việc thiếu quy định mà ở việc biến các quy định ấy thành thực tiễn vận hành minh bạch, có trách nhiệm và có thể giám sát được (UNESCO, 2026, tr. 20-24; OHCHR, 2025b, tr. 2-4). Để khắc phục những hạn chế trên cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; thiết lập cơ chế giám sát độc lập; nâng cao năng lực của cán bộ, doanh nghiệp và người dân; đồng thời yêu cầu các nền tảng số áp dụng đầy đủ trách nhiệm giải trình theo chuẩn mực quyền con người. Cùng với đó cần thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức quốc tế nhằm xây dựng môi trường số an toàn, minh bạch và tôn trọng phẩm giá con người (UNESCO, 2025, tr. 6-7; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Về phương diện lâu dài, bảo vệ quyền con người trong môi trường số cần được đặt trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và xã hội số ở Việt Nam. Chỉ khi công nghệ được phát triển và vận hành trong khuôn khổ tôn trọng con người, có kiểm soát rủi ro, có giám sát độc lập và có trách nhiệm giải trình rõ ràng thì chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực cho phát triển bền vững. Đây cũng là điều kiện quan trọng để bảo đảm rằng sự tiến bộ của công nghệ luôn phục vụ con người, thay vì tạo ra những hình thức bất bình đẳng và tổn thương mới trong đời sống xã hội (Quốc hội, 2021, tr. 14-16; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đoàn Trường Thụy (2019). *Quyền con người trong tiến bộ xã hội*. NXB Lý luận chính trị, tr. 45-47.
- LuậtVietnam (2026). *Law on Personal Data Protection and the Guiding Documents*. <https://english.luatvietnam.vn/legal-updates/the-latest-law-on-personal-data-protection-and-the-guiding-documents-892-106778-article.htm>.
- Lê Anh (2022). *Cần sớm khắc phục triệt để tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật*. <https://quochoi.vn/Pages/default.aspx>.
- OHCHR (2024). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Guidance of the Secretary-General*, <https://www.ohchr.org/en/documents/tools-and-resources/human-rights-due-diligence-digital-technology-use-guidance-secretary>.
- OHCHR (2025a). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Data*, <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-data.pdf>.
- OHCHR (2025b). *AI - Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use*, <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-ai.pdf>.
- Quốc hội (2023). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025.
- UNESCO (2025). *Guidelines for the Governance of Digital Platforms*. <https://www.unesco.org/en/articles/guidelines-governance-digital-platforms>.
- UNESCO (2026). *Guidelines for the Governance of Digital Platforms*. <https://www.unesco.org/en/internet-trust/guidelines>.